13

VISAS

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR

上陸許可
LANDING PERMISSION

許可年月日 Date of permit: 27 NOV 2023

在留期限 Until: 27 NOV 2024

在留資格 Status: 技能実習2号ロ Technical intern training (iii)(b)

Remarks: One year

HANOI

1930400055

KHTY32991886
NP6767582 9MA

JAPAN VISA

日本国査証

FA1504102

Place of issue: HANOI

Date of issue: 06 NOV 23

Date of expiry: 06 FEB 24

No.of entries: SINGLE

Issue No.: 23C87898

For stay(s) of: 1 YEAR

Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (III) (B)

Surname/Given name: CAO QUOC VIET

Passport No.: C6887009

Sex: M

Date of birth: 01 NOV 99

Nationality: VNM

No. of applicants

Remarks

BCY23-209334

V<JPNCAO<<QUOC<VIET<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<

C6887009<4VNM9911019M2402066 23C87898620A<E21

3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng phòng
Deputy Chief of Division

Phùng Thị Ngọc Mỹ

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
VIỆT
CAO QUỐC VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P

Mã số / *Code*: VNM

Số hộ chiếu / *Passport N°*: C6887009

Họ và tên / *Full name*
CAO QUỐC VIỆT

Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth*: 01 / 11 / 1999

Nơi sinh / *Place of birth*: QUẢNG BÌNH

Giới tính / *Sex*: NAM / M

Số GCMND / *ID card N°*: 194614169

Ngày cấp / *Date of issue*: 11 / 03 / 2019

Có giá trị đến / *Date of expiry*: 11 / 03 / 2029

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMCAO<<QUOC<VIET<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6887009<4VNM9911019M2903116194614169<<<<<18